TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9- 2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Phạm Thiên Viết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại phòng xét xử, Toà án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Bon Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh P về chung sống với nhau từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc hay sắp đạt gì, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Sau thời gian dài sống hạnh phúc thì vài năm gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên phát sinh

nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau làm cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh Phúc bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Chị nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh P có 04 con chung là Trần Thị Phương N, sinh ngày 08/4/2011; Trần Thị Tường V, sinh ngày 26/3/2013; Trần Thị Trà M1, sinh ngày 07/9/2015 và Trần Văn Đ, sinh ngày 04/5/2018. Hiện tại 02 con là Trần Thị Tường V và Trần Thị Trà M1 đang sống với chị nên chị có nguyện vọng sẽ nuôi dưỡng hai con đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn hai con là Trần Thị Phương N và Trần Văn Đ hiện anh P đang nuôi dưỡng nên chị đồng ý để anh P nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn Phúc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì anh Trần Văn P có đăng ký thường trú tại bon Đ, xã Đ, huyện Tuy Đức. Tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh P khi xảy ra mâu thuẫn không báo chính quyền địa phương nhưng hiện vợ chồng đang sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 đến nay.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Như vậy, về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ. Đối với bị đơn là anh Trần Văn P vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Văn P;

Về con chung: Giao các con Trần Thị Tường V, sinh ngày 26/3/2013 và Trần Thị Trà M1, sinh ngày 07/9/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao các con là Trần Thị Phương N, sinh ngày 08/4/2011 và Trần Văn Đ, sinh ngày 04/5/2018 cho anh Trần Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, tranh chấp về con chung với bị đơn anh Trần Văn P nên quan hệ tranh chấp là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn anh Trần Văn P có nơi đăng ký cư trú tại bon Điêng Đu, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh P là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị M và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh P đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh P có 04 con chung là Trần Thị Phương N, sinh ngày 08/4/2011; Trần Thị Tường V, sinh ngày 26/3/2013; Trần Thị Trà M1, sinh ngày 07/9/2015 và Trần Văn Đức, sinh ngày 04/5/2018. Hiện hai con là Trần Thị Phương N và Trần Văn Đ anh P đang nuôi dưỡng, chị M đồng ý để anh P nuôi dưỡng hai con là cháu N và cháu Đ đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn 02 con là Trần Thị Tường V và Trần Thị Trà M1 hiện chị M đang nuôi dưỡng và có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cháu V và cháu M1 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo nguyện vọng của chị Minh và của các con là phù hợp.

Chị Nguyễn Thị M, anh Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và về nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Trần Văn P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Văn P.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là Trần Thị Tường V, sinh ngày 26/3/2013 và Trần Thị Trà M1, sinh ngày 07/9/2015 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Trần Văn P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

các con là Trần Thị Phương N, sinh ngày 08/4/2011 và Trần Văn Đ, sinh ngày 04/5/2018 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị M, anh Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

1.4. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007755 ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Văn Nhu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, v.p.